TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/DS-PT
Ngày 17 – 9 – 2018
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2018/TLPT- DS, ngày 08 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 251A/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T; Địa chỉ: Khu vực 1, phường 2, thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Nhân H; Địa chỉ: khu vực 1, phường 2, thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Như N; Địa chỉ: Khu vực 1, phường 2, thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Như N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, bà Lê Thị Ngọc T có cho bà Nguyễn Như N vay tiền nhiều lần, lúc vay do là chỗ bạn bè thân thiết nên hai bên không làm biên nhận. Bà T không nhớ số tiền vốn cụ thể của từng lần vay, cũng như mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận là bao nhiêu. Đến thời điểm ngày 16/11/2016, bà T có nhắn tin cho bà N qua số thuê bao di động "0939.746.827" để tổng kết nợ thì thì bà N có xác nhận còn nợ bà T số tiền vay là 165.000.000đ. Sau khi tổng kết nợ qua tin nhắn vào ngày 16/11/2016, tính đến ngày 10/5/2018 bà N đã trả cho bà T được 15.600.000đ tiền vốn và 1.500.000đ tiền lãi thì ngưng không trả nữa. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn vay còn nợ sau khi cấn trừ 17.100.000đ mà bà N đã trả cho bà T trước đó, còn lại là 147.900.000đ và bà T không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Như N trình bày: Bà N thừa nhận có vay tiền của bà bà T nhiều lần, hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Bà N không nhớ số tiền vay từng lần cũng như lãi suất của từng lần vay là bao nhiêu. Tuy nhiên, đến ngày 16/11/2016 thì bà N và bà T có tiến hành tổng kết nợ vay qua tin nhắn điện thoại di động. Tại thời điểm tổng kết nợ, bà N xác nhận có nợ bà T 165.000.000đ, đã trả đến ngày tổng kết nợ được 14.500.000đ. Tuy nhiên, sau khi tổng kết nợ thì bà N đã trả nhiều lần cho bà T đến hết số nợ này, do là chỗ quen biết nên khi trả thì hai bên không có làm biên nhận. Do đó, bà N không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T.

Tại Bản án sơ thẩm số 132/2018/DS-ST, ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố 3, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T. Buộc bà Nguyễn Như N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền vốn vay còn nợ là 147.900.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Như N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bị đơn đã trả xong toàn bộ nợ vay cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Như N cho rằng tính đến ngày hai bên nhắn tin tổng kết nợ là ngày 16/11/2016 thì bà đã trả cho bà T được hơn 14.000.000đ, chỉ còn nợ bà T hơn 140.000.000đ. Sau đó, bà đã trả trả dần mỗi lần từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ và đã trả dứt nợ nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2016 bà Lê Thị Ngọc T có cho bà Nguyễn Như N vay tiền nhiều lần đến ngày 16/11/2016 thì hai bên tổng kết nợ qua tin nhắn, tổng số tiền là 165.000.000đ. Sau khi tổng kết nợ thì bà N trả cho bà T được 17.100.000đ thì không trả nữa nên bà T khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền đã vay còn lại là 147.900.000đ và không yêu cầu tính lãi. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Như N có đơn kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Như N, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, trước ngày 16/11/2016 các bên có thỏa thuận vay tài sản nhiều lần không làm biên nhận và thừa nhận đến ngày 16/11/2016 nhắn tin tổng kết nợ số tiền vốn là 165.000.000đ; thể hiện qua nội dung tin nhắn *"N thiếu tổng số 165.000.000đ, trả được 14.500.000đ, của bà G 7.000.000đ, trả được 1.000.000đ"* (Bút lục số 01). Căn cứ theo nội dung tin nhắn giữa các bên thừa nhận, có căn cứ xác định tổng số tiền bị đơn nợ nguyên đơn là 165.000.000đ *"đã trả được 14.500.000đ..."*, như vậy số tiền bị đơn thừa nhận nợ đến ngày 16/11/2016 sau khi trừ 14.5000.000đ là 150.500.000đ, không phải 165.000.000đ như lời trình bày của nguyên đơn.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như lời trình bày trong biên bản đối chất ngày 24/8/2018 của giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận sau ngày 16/11/2016 bị đơn có trả cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền 17.100.000đ nên số tiền bị đơn còn nợ lại phải được xác định là 150.500.000đ – 17.100.000đ = 133.400.000đ; cấp sơ thẩm xác định số tiền bị đơn còn nợ để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 147.900.000đ là chưa chính xác, nên chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn, xác định số tiền bị đơn còn nợ lại nguyên đơn là 133.400.000đ.

[5] Đối với trình bày của bị đơn cho rằng tổng số tiền nợ đã chốt theo tin nhắn thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần đến hết số nợ. Xét thấy, lời trình bày của bị đơn nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, nguyên đơn chỉ thừa nhận sau khi chốt nợ bị đơn đã trả được nhiều lần là 17.100.000đ nên lời thừa nhận của nguyên đơn là chứng cứ để xem xét giải quyết. Các trình bày khác của bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Như N; Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Như N.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T. Buộc bị đơn Nguyễn Như N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Thị Ngọc T số tiền 133.400.000đ *(Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày nguyên đơn Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Nguyễn Như N chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định của Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Như N phải chịu 6.670.000đ *(Sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).*

- Nguyên đơn Lê Thị Ngọc T phải chịu 725.000đ *(Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đối với số tiền 14.500.000đ không được chấp nhận. Nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.125.000đ *(Bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*, nguyên đơn Lê Thị Ngọc T được nhận lại 3.400.000đ *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015981 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Bị đơn Nguyễn Như N được nhận lại 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010137 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 17/9/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND thành phố 3;
- Chi cục THADS TP. 3;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải